

Số: 193/QĐ-TTVHĐA

Đồng Nai, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
sửa chữa xe ô tô chuyên dùng 29 chỗ

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM VĂN HÓA - ĐIỆN ẢNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 112/2018/QĐ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1350/UBND-KTNS ngày 02/02/2014 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-SVHTTDL ngày 27/5/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-SVHTTDL ngày 19/12/2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2253/SVHTTDL-KHTC ngày 15/7/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định kinh phí nghiệp vụ chuyên môn của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh (đợt 8) năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện sửa chữa xe ô tô chuyên dùng 29 chỗ, cụ thể:

1. Tên gói thầu: Thực hiện sửa chữa xe ô tô chuyên dùng 29 chỗ (Danh mục chi tiết đính kèm)
- Tổng giá trị gói thầu khoảng: **80.967.954 đồng** Bằng chữ: *Tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng (Đã bao gồm thuế).*
2. Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá thiết bị của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.
3. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí sự nghiệp đã được giao trong dự toán năm 2024 của đơn vị.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn.
5. Phương thức lựa chọn: Dự thảo hợp đồng.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức: Tháng 8 năm 2024.
7. Loại hình hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 2. Trưởng phòng HCTH có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện theo quy định của Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng HCTH và các phòng chức năng có liên quan của cơ quan căn cứ thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, TV (Quý)



GIÁM ĐỐC

Tôn Thị Thanh Tình



DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo QĐ số 193/QĐ-TTVHĐA ngày 16 tháng 8 năm 2024)

Stt	Nội dung Công việc	Đvt	Sl	Đơn giá	Tỉ lệ thuế	Tiền thuế	Thành tiền (chưa vat)
PHẦN HỆ THỐNG LẠNH + GẠT NƯỚC							4.380.000
1	Công tháo lắp điều chỉnh cần gạt nước	Công	5	220.000	8%	88.000	1.100.000
2	Gia công quạt gió trần xe (thay bạc đạn, cổ góp motô,...)	Cụm	2	650.000	8%	104.000	1.300.000
3	Công tháo lắp cụm trần xe phục vụ sửa chữa	Công	2	220.000	8%	35.200	440.000
4	Công tháo lắp vệ sinh dàn lạnh mui xe	Công	7	220.000	8%	123.200	1.540.000
PHẦN HỆ THỐNG LÁI + TREO							31.896.702
1	Trục xoay bánh xe	Bộ	1	2.809.091	8%	224.727	2.809.091
2	Mỡ đa dụng/vào mỡ trục xoay bánh xe	Kg	0,3	186.000	10%	5.580	55.800
3	Thanh lái dọc	Cái	1	2.717.273	8%	217.382	2.717.273
4	Rotuyn lái ngang (T)	Cái	1	2.472.727	8%	197.818	2.472.727
5	Rotuyn lái ngang (P)	Cái	1	2.472.727	8%	197.818	2.472.727
6	Cao su nhíp trước - phía trước	Cái	2	442.727	8%	70.836	885.454
7	Cao su nhíp trước - phía sau	Cái	8	303.636	8%	194.327	2.429.088
8	Cao su nhíp sau - phía trước	Cái	2	442.727	8%	70.836	885.454
9	Cao su nhíp sau - phía sau	Cái	8	303.636	8%	194.327	2.429.088
10	Lá nhíp chính trước	Cái	2	900.000	8%	144.000	1.800.000
11	Lá nhíp phụ sau	Cái	2	700.000	8%	112.000	1.400.000
12	Ruồi nhíp trước	Cái	2	90.000	8%	14.400	180.000
13	Đĩa nhíp trước	Cái	4	180.000	8%	57.600	720.000
14	Ruồi nhíp sau	Cái	2	150.000	8%	24.000	300.000
15	Đĩa nhíp sau	Cái	4	250.000	8%	80.000	1.000.000

Stt	Nội dung Công việc	Đvt	Sl	Đơn giá	Tỉ lệ thuế	Tiền thuế	Thành tiền (chưa vat)
16	Gia công cân chỉnh ép dí trước	Lần	1	4.500.000	8%	360.000	4.500.000
17	Công thay trục xoay bánh xe + rotuyn lái	Công	5	220.000	8%	88.000	1.100.000
18	Công tháo lắp dí trước + cân chỉnh góc lái bánh xe	Công	6	220.000	8%	105.600	1.320.000
19	Công thay cao su nhíp trước sau + đôn lá nhíp trước	Công	8	220.000	8%	140.800	1.760.000
20	Công tháo lắp nhíp sau đôn lá nhíp sau	Công	3	220.000	8%	52.800	660.000
PHẦN ĐỒNG SƠN							38.100.000
1	Sửa chữa làm đồng hông bên cửa lên xuống	Lần	1	5.000.000	8%	400.000	5.000.000
2	Sơn nguyên xe - mặt ngoài	Lần	1	32.000.000	10%	3.200.000	32.000.000
3	Công tháo lắp các chi tiết liên quan phục vụ sửa chữa	Công	5	220.000	8%	88.000	1.100.000
	Tổng cộng					74.376.702	
	Tổng thuế VAT					6.591.252	
	Tổng chi phí					80.967.954	

(Bằng chữ: Tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng)